TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2024/KDTM-ST
Ngày: 10 - 7 - 2024
V/v tranh chấp "Hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Ngọc Nguyên.
2. Bà Lê Thị Thanh Vân.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Tấn Kiệt – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa*:** Bà Tạ Kim Oanh – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 456/2023/TLST-DS ngày 03 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp "*Hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 215/2024/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Xây dựng Việt Nam (Ngân hàng Xây dựng). Địa chỉ trụ sở: Số 145-147-149, đường Hùng Vương, Phường 2, Thành phố Tân An, tỉnh Long An. Địa chỉ liên hệ: Số 10, đường Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

- Ông Nguyễn Văn Tuân. Là người đại diện theo pháp luật (Chủ tịch Hội đồng thành viên).

- Ông Hoàng Nhật Huy – Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Xây dựng. Là người đại diện theo ủy quyền. Giấy ủy quyền số 36/2023/GUQ-CB, ngày 20/03/2023 của Tổng giám đốc Ngân hàng Xây dựng).

- Ông Nguyễn Văn Trịnh – Ban công nợ - Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Xây dựng Việt Nam. Là người được ủy quyền lại. Giấy ủy quyền số 128/2024/GUQ-CB, ngày 20/3/2024 của Phó Tổng giám đốc.

- Ông Lê Đình Quyền – Ban công nợ - Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Xây dựng Việt Nam. Là người được ủy quyền lại. Giấy ủy quyền số 128/2024/GUQ-CB, ngày 20/3/2024 của Phó Tổng giám đốc.

- Ông Trần Vy Nhật Quang – Ban công nợ - Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Xây dựng Việt Nam. Là người được ủy quyền lại. Giấy ủy quyền số 128/2024/GUQ-CB, ngày 20/3/2024 của Phó Tổng giám đốc.

- Ông Trần Hoàng Tân – Ban công nợ - Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Xây dựng Việt Nam. Là người được ủy quyền lại. Giấy ủy quyền số 128/2024/GUQ-CB, ngày 20/3/2024 của Phó Tổng giám đốc.

- Ông Dương Việt Hoàng – Ban công nợ - Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Xây dựng Việt Nam. Là người được ủy quyền lại. Giấy ủy quyền số 128/2024/GUQ-CB, ngày 20/3/2024 của Phó Tổng giám đốc; có mặt.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Ngân hàng: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC). Địa chỉ liên hệ: Số 22, đường Hàng Vôi, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của VAMC: Ông Nguyễn Tiến Đông. Là người đại diện theo pháp luật (Chủ tịch Hội đồng thành viên).

2. Bị đơn:

2.1. Ông Võ Văn T, sinh năm 1965; vắng mặt.

2.2. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1967; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Số 501A/26, đường Quản Cơ Thành, khóm Bình Thới 2, phường B, thành phố L, tỉnh A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Xây dựng Việt Nam do ông H là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 15/2022/24101/08.1.HDTD/200, ngày 10/3/2022 giữa Ngân hàng X với ông T bà Đ. Ngân hàng đã giải ngân cho ông T bà Đ vay số tiền là 3.500.000.000 đồng *(Ba tỷ năm trăm triệu đồng)*. Mục đích vay nhằm bổ sung vốn kinh doanh mua bán phụ tùng xe honda; thời hạn vay 12 tháng (từ ngày 31/12/2020 đến ngày 31/12/2021); lãi suất thỏa thuận 9,5%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn.

Để bảo đảm khoản vay trên, ông T đã ký với Ngân hàng Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm cho nghĩa vụ của người khác số 15/2022/24101/03.HĐTC/200, ngày 10/3/2022 với tài sản thế chấp là Quyền sử dụng

đất, tài sản gắn liền với đất; vị trí khu đất tọa lạc thửa 151, tờ bản đồ địa chính số 33; địa chỉ phường B, thành phố L, tỉnh A, diện tích 114,5m^2, loại đất ODT theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS09082, ngày 02/3/2017 do Sở A cấp cho ông T.

Tài sản trên được thế chấp tại Ngân hàng Xây dựng theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm cho nghĩa vụ của người khác số 15/2022/24101/03.HĐTC/200, ngày 10/3/2022; được công chứng tại Văn phòng công chứng Long Xuyên, số công chứng 751, Quyển số 01/2022TP/CC-SCC/HĐGD và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh L cùng ngày 10/3/2022.

Quá trình giải quyết vụ án, NH X đã bán toàn bộ khoản nợ cho Cty V theo Hợp đồng mua bán nợ số 920/2023/MBN.VAMC-CB, ngày 16/11/2023 giữa NH X với Cty V. Vì vậy, tại phiên tòa, ông H là người đại diện theo ủy quyền của VAMC có các yêu cầu:

- Buộc ông T bà Đ phải thanh toán một lần toàn bộ nợ gốc và lãi cho VAMC tạm tính đến ngày 10/7/2024 với số tiền là 4.056.869.934 đồng, trong đó nợ gốc là 3.498.661.334 đồng; lãi 695.498.787 đồng.

- Ông T bà Đ còn phải tiếp tục thanh toán toàn bộ nợ lãi và phí phát sinh đối với toàn bộ số nợ còn lại theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 15/2022/24101/08.1.HĐTD/200, ngày 10/3/2022 đã ký kết với Ngân hàng Xây dựng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

- Tiếp tục thực hiện Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm cho nghĩa vụ của người khác số 15/2022/24101/03.HĐTC/200, ngày 10/3/2022. Trường hợp ông T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì VAMC được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản đã thế chấp gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất để thu hồi nợ, gồm thửa đất số 151, tờ bản đồ địa chính số 33; địa chỉ phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, An Giang, diện tích 114,5m^2, mục đích sử dụng ODT, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS09082, ngày 02/3/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp cho ông Võ Văn Trọng.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc phát mãi tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông T. Nếu số tiền phát mãi tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ của ông T thì ông T phải có trách nhiệm tiếp tục thực hiện nghĩa vụ cho đến khi trả hết khoản nợ nêu trên cho VAMC.

Về án phí và chi phí tố tụng: Yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật.

Bị đơn ông T trình bày tại Bản tự khai ngày 28/11/2023: Ông có vay tiền của Ngân hàng X vốn làm ăn kinh doanh để trang trải cuộc sống gia đình; trong thời gian vay tiền,

ông luôn gửi lãi đúng hạn, tuy nhiên do dịch Covid-19 nên tình hình kinh tế khó khăn; không đủ khả năng hoàn trả số tiền vay vốn gốc 3.500.000.000 đồng *(Ba tỷ năm trăm triệu đồng)* cho Ngân hàng. Vì vậy, ông xin được trả dần hàng tháng 3.000.000 đồng *(Ba triệu đồng)* cho Ngân hàng cho đến khi dứt khoản nợ.

Bị đơn bà Đ trình bày tại Bản tự khai ngày 06/12/2023: Bà và chồng bà là ông Võ Văn Trọng có vay tiền của NH X và hiện còn nợ số tiền vay vốn gốc 3.500.000.000 đồng *(Ba tỷ năm trăm triệu đồng)*; ông bà có đóng lãi hàng tháng cho NH; tuy nhiên do tình hình kinh tế khó khăn chậm thực hiện nghĩa vụ với NH nên bà cũng thống nhất ý kiến của ông Trọng về việc xin được trả dần cho NH 3.000.000 đồng *(Ba triệu đồng)* cho đến khi dứt khoản nợ.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật về tố tụng và về nội dung của Tòa án như sau:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định về thụ lý vụ án, thẩm quyền giải quyết, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự, bảo đảm quyền và nghĩa vụ của các bên đương sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không lý do nên chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng các khoản 2 Điều 119, Điều 299, Điều 323, Điều 463, 466, 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 94, Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017.

Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Quản tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam.

Buộc ông T bà Đ có trách nhiệm liên đới trả cho Công ty V tổng số tiền tạm tính đến ngày 10/7/2024 là 4.194.160.121 đồng; trong đó nợ gốc 3.498.661.334 đồng, lãi 695.498.787 đông

Trường hợp ông T bà Đ không trả hoặc trả không đầy đủ vốn, lãi thì Công ty V của các tổ chức tín dụng Việt Nam được quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 15/2022/24101/03.HĐTC/200, ngày 10/3/2022, được ký kết giữa Ngân hàng Xvới ông T bà Đ để thi hành án.

- Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 BLTTDS.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng Xkhởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông T bà Đ phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán số tiền vay còn nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết nên quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là *"Tranh chấp Hợp đồng tín dụng"* theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (BLTTDS).

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Ông T bà Đ với tư cách là bị đơn của vụ án có nơi cư trú tại số 501A/26, đường A, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh A nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh A.

[1.3] Bị đơn là ông T bà Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông T bà Đ là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS.

[1.4] Quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng X đã bán toàn bộ khoản nợ cho Công ty V theo Hợp đồng mua, bán nợ số 920/2023/MBN.VAMC-CB, ngày 16/11/2023 nên VAMC tham gia tố tụng với tư cách là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 7 Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐTP, ngày 15/5/2018 về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết tranh chấp về xử lý nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu tại Tòa án nhân dân của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[1.5] Bị đơn ông T đứng tên trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 52A8006935, ngày 04/01/2005; đồng thời căn cứ Hợp đồng tín dụng số 15/2022/24101/08.1.HĐTD/200, ngày 10/3/2022 thể hiện mục đích sử dụng vốn vay kinh doanh mua bán phụ tùng xe honda; các bên có đăng ký kinh doanh và giao kết hợp đồng vì mục tiêu lợi nhuận nên vụ án được xác định lại là loại án kinh doanh thương mại theo quy định tại khoản 1 Điều 30 BLTTDS.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét Hợp đồng tín dụng số 15/2022/24101/08.1.HĐTD/200, ngày 10/3/2022 giữa Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Xây dựng Việt Nam – Chi nhánh An Giang với ông T bà Đ:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ vụ án mà nguyên đơn là Ngân hàng X cung cấp, chứng cứ do Cty V cung cấp cũng như lời trình bày của ông H là người đại diện theo ủy quyền của V tại phiên tòa; lời trình bày của ông T bà Đ trong quá trình giải quyết vụ án; cho thấy, vào ngày 10/3/2022, vợ chồng ông T bà Đ đã ký kết với Ngân hàng X Hợp đồng tín dụng số

15/2022/24101/08.1.HĐTD/200 để vay số tiền 3.500.000.000 đồng *(Ba tỷ năm trăm triệu đồng)*. Để đảm bảo khoản vay, vợ chồng ông T bà Đ còn ký kết với Ngân hàng X Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 15/2022/24101/03.HĐTC/200, ngày 10/3/2022 có chứng thực của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền là Văn phòng công chứng L và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh L cùng ngày 10/3/2022. Quá trình thực hiện hợp đồng, phía ông T bà Đ chỉ thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc là 1.338.666 đồng *(Một triệu ba trăm ba mươi tám nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng)* thì ngưng cho đến nay nên ngày 10/3/2023, Ngân hàng đã chuyển sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 10/7/2024, ông T bà Đ còn nợ 4.194.160.121 đồng *(Bốn tỷ một trăm chín mươi bốn triệu một trăm sáu mươi nghìn một trăm hai mươi mốt đồng)*; trong đó, nợ gốc là 3.498.661.334 đồng *(Ba tỷ bốn trăm chín mươi tám triệu sáu trăm sáu mươi mốt nghìn ba trăm ba mươi bốn đồng)*; nợ lãi là 695.498.787 đồng *(Sáu trăm chín mươi lăm triệu bốn trăm chín mươi tám nghìn bảy trăm tám mươi bảy đồng)*.

Quá trình giải quyết vụ án, ông T bà Đ thừa nhận có ký kết Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất với Ngân hàng để vay tiền đúng như ông Hoàng trình bày; đồng thời thừa nhận sau khi thanh toán số tiền gốc là 1.338.666 đồng *(Một triệu ba trăm ba mươi tám nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng)* thì ngưng cho đến nay không trả vốn, không trả lãi.

Như vậy, đã có căn cứ xác định Hợp đồng tín dụng số 15/2022/24101/08.1.HĐTD/200, ngày 10/3/2022 mà vợ chồng ông T bà Đ ký kết với Ngân hàng là có thật, hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định pháp luật nên có giá trị pháp lý ràng buộc quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia ký kết hợp đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, phía ông T bà Đ đã vi phạm nghĩa vụ đã cam kết. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông ông T bà Đ có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 10/7/2024 là 4.194.160.121 đồng; trong đó, nợ gốc là 3.498.661.334 đồng; nợ lãi là 695.498.787 đồng là có căn cứ theo quy định tại các Điều 463; 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91; Điều 94 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017. Quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng X bán toàn bộ nợ cho Công ty V nên buộc bị đơn là ông Trọng bà Đượm phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho VAMC nợ gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng tính đến ngày 10/7/2024 với số tiền là 4.194.160.121 đồng *(Bốn tỷ một trăm chín mươi bốn triệu một trăm sáu mươi nghìn một trăm hai mươi mốt đồng)*; trong đó, nợ gốc là 3.498.661.334 đồng *(Ba tỷ bốn trăm chín mươi tám triệu sáu trăm sáu mươi mốt nghìn ba trăm ba mươi bốn đồng)*; nợ lãi là 695.498.787 đồng *(Sáu trăm chín mươi lăm triệu bốn trăm chín mươi tám nghìn bảy trăm tám mươi bảy đồng)*, là có căn cứ.

[2.2] Xét Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 15/2022/24101/03.HĐTC/200, ngày 10/3/2022:

Xét thấy, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 15/2022/24101/03.HĐTC/200, ngày 10/3/2022 được Văn phòng Công chứng Long Xuyên chứng thực cùng ngày nên đã thực hiện đúng trình tự thủ tục, có công chứng, có đăng ký giao dịch đảm bảo theo quy định tại khoản 2 Điều 119 của Bộ luật Dân sự 2015 nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Tại Điều 299 của Bộ luật Dân sự 2015 về xử lý tài sản bảo đảm quy định: ‘‘*Đến hạn thực hiện nghĩa vụ được bảo đảm mà bên có nghĩa vụ không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ. Bên có nghĩa vụ phải thực hiện nghĩa vụ được bảo đảm trước thời hạn do vi phạm nghĩa vụ theo thỏa thuận hoặc theo quy định của luật*’’. Căn cứ quy định này và các điều khoản thỏa thuận trong Hợp đồng thế chấp thì yêu cầu khởi kiện xử lý tài sản thế chấp của nguyên đơn là phần diện tích đất 114,5m^2 và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa số 151, tờ bản đồ địa chính số 33; địa chỉ phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, An Giang (được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS09082, ngày 02/3/2017 cho ông Võ Văn Trọng) khi ông Trọng bà Đượm không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ hoặc thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ không đầy đủ là phù hợp nên được HĐXX chấp nhận.

[2.3] Xét yêu cầu xin được trả dần các khoản nợ của ông T bà Đ: Quá trình giải quyết vụ án, ông Trọng bà Đượm cùng có yêu cầu xin được trả dần mỗi tháng với số tiền 3.000.000 đồng *(Ba triệu đồng)* không được ông Hoàng là người đại diện theo ủy quyền của VAMC đồng ý. Vì vậy, không có cơ sở để Tòa án xem xét chấp nhận.

[3] Về án phí và chi phí tố tụng:

[3.1] Theo quy định tại Điều 147 của BLTTDS và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí. Hoàn trả cho VAMC (Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Ngân hàng Thương mại Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Xây dựng Việt Nam) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 52.750.000 đồng *(Năm mươi hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng)* theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002604, ngày 31/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Ông Võ Văn Trọng và bà Nguyễn Thị Đượm phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ trả nợ là 112.194.160 đồng, làm tròn 112.194.000 đồng *(Một trăm mười hai triệu một trăm chín mươi bốn nghìn đồng).*

[3.2] Chi phí tố tụng: Tổng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.550.000 đồng *(Ba triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng)*; nguyên đơn đã tạm nộp xong. Theo quy định tại khoản 1 Điều 157 BLTTDS thì ông Trọng bà Đượm phải có nghĩa vụ hoàn trả cho VAMC (Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Ngân hàng Thương mại Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Xây dựng Việt Nam) chi phí tố tụng với số tiền là 3.550.000 đồng *(Ba triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng).*

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 119, Điều 299, Điều 323, Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản Điều 91; Điều 94; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi; bổ sung một số điều năm 2017.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty V.

Buộc bị đơn là ông có trách nhiệm liên đới trả cho Công ty V tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 10/7/2024 là 4.194.160.121 đồng *(Bốn tỷ một trăm chín mươi bốn triệu một trăm sáu mươi nghìn một trăm hai mươi mốt đồng)*; trong đó, nợ gốc là 3.498.661.334 đồng *(Ba tỷ bốn trăm chín mươi tám triệu sáu trăm sáu mươi mốt nghìn ba trăm ba mươi bốn đồng)*; nợ lãi là 695.498.787 đồng *(Sáu trăm chín mươi lăm triệu bốn trăm chín mươi tám nghìn bảy trăm tám mươi bảy đồng)*.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong nghĩa vụ trả nợ, ông ông T bà Đ còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 15/2022/24101/08.1.HĐTD/200, ngày 10/3/2022; Giấy đề nghị giải ngân kiêm giấy nhận nợ số 15/2022/24101/11.GĐNGN-1/200, ngày 10/3/2022 giữa Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Xây dựng Việt Nam – Chi nhánh An Giang với ông T bà Đ đã ký kết.

Trường hợp ông T bà Đ không thanh toán nợ hoặc thanh toán nợ không đầy đủ thì Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC) có quyền làm Đơn yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm cho nghĩa vụ của người khác số 15/2022/24101/03.HĐTC/200, ngày 10/3/2022; được Văn phòng công chứng Long Xuyên chứng nhận ngày 10/3/2022 với tài sản đảm bảo là Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 151, tờ bản đồ địa chính số 33; địa chỉ phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, An Giang, diện tích 114,5m^2, loại đất ODT theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS09082, ngày 02/3/2017 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp cho ông T.

Trường hợp tài sản bảo đảm vẫn không đủ để Công ty V thu hồi nợ thì vợ chồng ông ông T bà Đ vẫn phải tiếp tục liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Công ty V có trách nhiệm giao trả cho vợ chồng ông T bà Đ tài sản đảm bảo (nếu còn) cùng các giấy tờ kèm theo khi ông Trọng và bà Đượm thanh toán xong tất cả các khoản nợ.

2. Án phí và chi phí tố tụng:

Về án phí:

- Hoàn trả cho Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của tổ chức tín dụng Việt Nam (Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Ngân hàng Thương mại Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Xây dựng Việt Nam) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 52.750.000 đồng *(Năm mươi hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng)* theo Biên lai thu số 0002604, ngày 31/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Ông T bà Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ trả nợ là 112.194.160 đồng, làm tròn 112.194.000 đồng *(Một trăm mười hai triệu một trăm chín mươi bốn nghìn đồng).*

Về chi phí tố tụng: Ông ông T bà Đ phải có nghĩa vụ hoàn trả cho Công ty V chi phí tố tụng với số tiền là 3.550.000 đồng *(Ba triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng).*

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo, Viện kiểm sát có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên

tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh AG;
- VKSND Tp. Long Xuyên;
- Chi cục THA DS Tp. Long Xuyên;
- Các đương sự;
- Lưu VT và Hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Xuân Thu